

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/ST-HNGĐ

Ngày 27/4/2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lê Hằng

Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Trọng Anh và bà Đặng Huyền Sâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 11/4/2022 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** **Chị Hoàng Thị L** – Sinh năm: 1982 – Nơi cư trú: Thôn 05, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

* ***Bị đơn:*** **Anh Hoàng Khắc H** – Sinh năm: 1980 – Nơi cư trú: Thôn 05, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

* ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V – Chi nhánh huyện A Tây Nghệ An - Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ – Sinh năm: 1973 – Chức vụ: Phó Giám đốc – Chi nhánh huyện A Tây Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện A, tỉnh Nghệ An – Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thế C – Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Tổ chức tài chính vi mô TNHH - MTV T - Chi nhánh Đ - Địa chỉ: Khôi 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An – Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng

Thị T – Sinh năm: 1981 - TQ: Khối 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An - Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Ông Phạm Viết T - Sinh năm 1969 – Nơi cư trú: Thôn 04, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị N - Sinh năm 1953 - Nơi cư trú: Thôn 05, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1971 - Nơi cư trú: Thôn 05, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Ông Hoàng Khắc M - Sinh năm 1967 - Nơi cư trú: Thôn 05, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Chị Cao Thị T - Sinh năm 1983 - Nơi cư trú: Thôn 05, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

- Chị Hoàng Thị T - Sinh năm 1985 - Nơi cư trú: Thôn 03, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 15/6/2021, lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Khắc H kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 4/2021 thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ghen tuông vô cớ, không có căn cứ, vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 5/2021 đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng.

Về con chung: Có 3 con chung là Hoàng Thị Như Q, sinh ngày 26/9/2006, Hoàng Thị Thanh M, sinh ngày 25/3/2014 và Hoàng Trung K, sinh ngày 11/10/2016. Nay ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án, chị L có nguyện vọng nuôi cả 3 con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, nếu anh H cũng có nguyện vọng nuôi con thì chị L cũng đồng ý và trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên đã thống nhất để anh H nuôi 2 con là: Hoàng Thị Như Q và Hoàng Trung K, còn chị L nuôi con là Hoàng Thị Thanh M. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là: 01 thửa đất vườn ở số 105, tờ bản đồ số 29 và các công trình, cây cối gắn liền trên thửa đất số 105 tại thôn 5, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An gồm: 01 ngôi nhà cấp 4, 3 gian và các công trình gắn liền nhà, 01 ngôi nhà bếp, xái bếp, nhà tắm, giếng, chuồng trâu, mái tôn ..., các tài sản trong nhà gồm: 01 bộ bàn ghế, 01 tủ lạnh, 01 ti vi, 01 máy giặt, tủ bếp

nhôm kính, bếp ga, chè thực phẩm và cây gỗ trai trồng trên thửa đất số 105. Ngoài ra, năm 2017 vợ chồng có mua của ông Phạm Viết T thửa đất lâm nghiệp số 08, tờ bản đồ số 1, tại thôn 4, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An với số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), hiện nay vợ chồng đang trồng tràm và chè trên thửa đất số 08.

Về nợ: Vợ chồng nợ các khoản nợ sau:

- Nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V Chi nhánh huyện A Tây Nghệ An số tiền: 100.000.000 đồng.

- Nợ ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện A số tiền: 75.000.000 đồng.

- Nợ bà Phạm Thị N số tiền: 70.700.000 đồng.

- Nợ bà Nguyễn Thị T số tiền: 50.000.000 đồng.

- Nợ Tổ chức tài chính vi mô TNHH - MTV T chi nhánh Đ số tiền: 30.000.000 đồng (Trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị L đã trả hết khoản nợ này).

- Nợ ông Hoàng Khắc M số tiền: 20.000.000 đồng.

- Nợ chị Cao Thị T số tiền: 30.000.000 đồng

- Nợ chị Hoàng Thị T số tiền: 30.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản nợ gốc là: 405.700.000 đồng (Bốn trăm linh năm triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Đối với khoản nợ Ngân hàng chính sách, hàng tháng khi trả lãi suất thì chị L có đóng thêm khoản tiền tiết kiệm, để trừ vào tiền nợ gốc khi đến hạn thanh toán. Đến ngày 18/4/2022, chị Lượng đã đóng được số tiền tiết kiệm là: 8.394.982 đồng (Tám triệu, ba trăm, chín mươi tư nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng). Đối với khoản nợ của chị Nguyễn Thị T, do chị T đứng khế vay Ngân hàng chính sách số tiền 50.000.000 đồng, sau đó chị T về cho vợ chồng chị L vay. Chị T và vợ chồng chị L thỏa thuận, hàng tháng vợ chồng chị L đi trả tiền lãi suất và đóng tiền tiết kiệm cho Ngân hàng và khi đến hạn trả nợ gốc thì vợ chồng chị L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng. Theo đó từ khi vay cho đến nay, hàng tháng chị L đã đóng đầy đủ tiền lãi suất cho Ngân hàng và đến ngày 16/4/2022 chị L đã đóng được số tiền tiết kiệm là: 5.610.549 đồng (Năm triệu, sáu trăm mười nghìn, năm trăm bốn mươi chín đồng). Vì vậy, chị L đề nghị Toà án trừ số tiền tiết kiệm chị L đã đóng được vào số tiền gốc đang nợ Ngân hàng Chính sách xã hội V và tiền nợ gốc chị Nguyễn Thị T.

Nay ly hôn, do anh H có nguyện vọng lấy đất và nhà nên chị L đồng ý giao đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất số 105 và các tài sản trong nhà cho anh H sử dụng. Đối với thửa đất số 08, do ông Phạm Viết T đã bán cho vợ chồng, nhưng nay ông T lại nói lấy lại thì yêu cầu Toà án buộc ông Phạm Viết T trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho vợ chồng và chị L có nguyện vọng lấy số tiền này tại ông T. Còn tràm và chè trồng trên thửa đất số 08, nếu ông T lấy lại đất thì số tràm đã đến kỳ thu hoạch được thì đề nghị Toà giao cho chị L thu hoạch, còn tràm

trồng năm 2021 chưa thu hoạch được và chè trồng năm 2007 thì đề nghị Toà án giao cho ông T và ông T có nghĩa vụ giao lại tiền theo trị giá đã định giá. Nếu sau khi trả nợ, còn chênh lệch tiền thì anh H có nghĩa vụ giao lại tiền chênh lệch cho chị L.

Đối với các khoản nợ: Chị L đề nghị Toà án xem xét các khoản nợ chị L đã kê khai để giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với các khoản nợ anh H không thống nhất là nợ chung thì đề nghị Toà án xem xét buộc anh H cùng có nghĩa vụ trả nợ chung, gồm các khoản nợ: Nợ Tổ chức tài chính vi mô TNHH - MTV T chi nhánh Đ số tiền: 30.000.000 đồng, chị L đã trả hết trong thời gian sống ly thân với anh H, khoản nợ vay trong thời gian anh H đi làm ăn miền nam, bà Phạm Thị N là mẹ đẻ anh H ở nhà cùng ký bảo lãnh cho chị L vay để mua giống, phân để trồng trà và chè. Nếu anh H không thống nhất nợ chung thì anh H không được chia tài sản là chè và trà trồng trên thửa đất số 08; Đối với khoản nợ 30.000.000 đồng của chị Cao Thị T và khoản nợ 30.000.000 đồng của chị Hoàng Thị T, 2 khoản nợ này vay để làm nhà, anh H đã biết, tuy nhiên do có quan hệ anh em với nhau nên khi vay không làm giấy tờ vay, nay anh H chối bỏ trách nhiệm nên đề nghị Toà án xem xét. Tại phiên tòa hôm nay đề nghị Toà án hỏi anh H lấy tiền đâu để làm nhà, sau khi cưới đã không chịu làm ăn, thường xuyên đánh bạc, bán vàng cưới để đánh bạc, vay nợ, cầm cố xe máy, trâu để đánh bạc, chị L phải đi vay tiền để chuộc xe máy và trâu về nhiều lần. Vì vậy, đề nghị Toà án xem xét để đảm bảo quyền lợi cho chị L.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, anh Hoàng Khắc H trình bày:

Thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày là đúng, trong thời gian chung sống thời gian đầu anh H có đánh bạc nên có mâu thuẫn vợ chồng đã gây ảnh hưởng đến tâm sinh lý, việc học hành của các con. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2021 đến nay. Nay chị L làm đơn ly hôn, thì anh H cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 3 con chung là Hoàng Thị Như Q, sinh ngày 26/9/2006, Hoàng Thị Thanh M, sinh ngày 25/3/2014 và Hoàng Trung K, sinh ngày 11/10/2016. Nay ly hôn, anh H không muốn chia rẽ con cái nên anh H muốn nuôi cả 3 con. Tuy nhiên, nếu chị L cũng muốn nuôi con thì anh H thống nhất để chị L nuôi con thứ 2 là Hoàng Thị Thanh M, anh H nuôi con đầu là Hoàng Thị Như Q và con út là Hoàng Trung K. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung như chị L khai là: 01 thửa đất vườn ở số 105, tờ bản đồ số 29 do cha mẹ anh H tặng cho vợ chồng và các công trình, cây cối gắn liền trên thửa đất số 105 tại thôn 5, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An gồm: 01 ngôi nhà cấp 4, 3 gian và các công trình gắn liền nhà, 01 ngôi nhà bếp, xái bếp, nhà tắm, giếng, chuồng trâu, mái tôn ..., các tài sản trong nhà gồm: 01 bộ bàn ghế, 01 tủ lạnh, 01 ti vi, 01 máy giặt, tủ bếp nhôm kính, bếp ga, chè thực phẩm và cây gỗ trai trồng trên thửa đất số 105. Ngoài ra, năm 2017 vợ

chồng có mua của ông Phạm Viết T thửa đất lâm nghiệp số 08, tờ bản đồ số 1, tại thôn 5, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An với số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), hiện nay đang trồng tràm và chè trên thửa đất. Nay ly hôn, anh H có nguyện vọng lấy thửa đất số 105 và nhà ở và giao lại tiền chênh lệch cho chị L. Đối với thửa đất lâm nghiệp số 08, nay ông T lấy lại thì ông T trả lại tiền cho vợ chồng.

Về nợ: Vợ chồng nợ các khoản nợ sau:

- Nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V Chi nhánh huyện A Tây Nghệ An số tiền: 100.000.000 đồng.

- Nợ ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện A số tiền: 75.000.000 đồng.

- Nợ bà Phạm Thị N số tiền: 70.700.000 đồng.

- Nợ bà Nguyễn Thị T số tiền: 50.000.000 đồng.

- Nợ ông Hoàng Khắc M số tiền: 20.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản vợ chồng nợ là: 315.700.000 đồng.

Còn các khoản nợ: Nợ Tổ chức tài chính vi mô TNHH - MTV T chi nhánh Đ số tiền: 30.000.000 đồng; Nợ chị Cao Thị T số tiền: 30.000.000 đồng; Nợ chị Hoàng Thị T số tiền: 30.000.000 đồng anh H không đồng ý vì chị L vay không báo cho anh H biết nên anh H không chịu trách nhiệm các khoản nợ này.

- *Tại phiên tòa hôm nay, cháu Hoàng Thị Như Q và Hoàng Thị Thanh M vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cháu Q và cháu M trình bày:* Nay bố mẹ ly hôn cháu Q có nguyện vọng ở với bố, còn cháu M có nguyện vọng ở với mẹ.

- *Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đã khai:* Ngày 29/4/2021, vợ chồng chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Khắc H vay Ngân hàng với số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), mục đích vay là sản xuất, chăn nuôi, lãi suất là 9,5%/ năm, thời hạn vay từ ngày 29/4/2021 đến ngày 25/4/2022 theo Hợp đồng tín dụng số 3619 –LAV -201801700 ngày 07/5/2018 và phụ lục hợp đồng số 3619LDS202102572. Trong quá trình vay vốn vợ chồng anh H chị L thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng. Hiện nay chị L và anh H vẫn còn nợ số tiền gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Nay chị L và anh H ly hôn, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị L và anh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi suất đến khi trả hết nợ gốc theo hợp đồng.

- *Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội V vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đã khai:* Ngày 10/7/2017 và ngày 18/4/2018 chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Khắc H có vay vốn tại ngân hàng với khoản vay 25.000.000 đồng với mục đích vay để làm nhà ở và khoản vay 50.000.000 đồng vay để mua trâu sinh sản, tổng cộng số tiền vợ chồng anh Hoàng Khắc H và chị Hoàng Thị L đã vay của ngân hàng là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng). Hiện nay chị L và anh H vẫn còn nợ số tiền gốc là

75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng). Nay chị L và anh H ly hôn, ngân hàng đề nghị ai nhận tài sản nhà và đất thì người đó trả nợ cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất đến khi trả hết nợ gốc.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện hợp đồng, hàng tháng khi trả lãi suất thì chị L có đóng thêm khoản tiền tiết kiệm, để trừ tiền nợ gốc khi đến hạn thanh toán. Đến ngày 18/4/2022, chị L đã đóng được số tiền tiết kiệm tại Ngân hàng với số tiền là: 8.394.982 đồng (Tám triệu, ba trăm, chín mươi tư nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng). Số tiền này sẽ được trừ vào tiền gốc khi thanh toán nợ gốc.

- *Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Tổ chức tài chính vi mô TNHH - MTV T chi nhánh Đ vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đã khai:* Ngày 27/01/2021 chị Hoàng Thị L có vay vốn tại quỹ TYM với số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), mục đích vay là để trồng chè, việc vay vốn có bà Phạm Thị N là mẹ chồng chị L đứng ra ký bảo lãnh. Đến ngày 26/01/2022 chị Hoàng Thị L đã hoàn trả đầy đủ toàn bộ gốc lãi của khoản vay, nay Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV T chi nhánh Đ, Nghệ An – PGD 02 (TYM) không có yêu cầu gì.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Phạm Viết T đã khai:* Năm 2017 ông T cho vợ chồng anh H (Cháu ông T) và chị L mượn 03 ha đất lâm nghiệp thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01 tại thôn 4, xã Cao Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An để sản xuất và có thỏa thuận vợ chồng anh H chị L giao cho ông T số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để mượn đất khi nào không sử dụng đất nữa thì trả lại cho ông T và ông T sẽ trả lại số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho vợ chồng. Nay vợ chồng anh H chị L ly hôn, ông T tiếp tục để cho anh H chị L tiếp tục sử dụng đất, khi nào không sử dụng nữa thì trả lại đất cho ông T và ông T sẽ trả lại cho vợ chồng anh H chị L số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, ông T còn cho bà Phạm Thị N mượn 01 ha đất lâm nghiệp thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01 tại thôn 4, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An. Hiện nay bà N cho vợ chồng anh H chị L mượn để trồng chè thì ông T vẫn tiếp tục cho vợ chồng sử dụng, khi nào không sử dụng nữa thì trả lại cho ông T.

- *Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H (Vợ ông Phạm Viết T) vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà H đã khai:* Thửa đất lâm nghiệp số 08, tờ bản đồ số 01 tại thôn 4, xã A, huyện A, tỉnh Nghệ An là của riêng ông Phạm Viết T, ông T thỏa thuận cho vợ chồng anh H chị L mượn để sản xuất bà H không biết, bà H không liên quan nên đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phạm Thị N đã khai:* Năm 2007 vợ chồng bà N tặng cho vợ chồng con trai là anh Hoàng Khắc H và chị Hoàng Thị L 01 mảnh đất và 01 ngôi nhà cấp 4 trên đất (Nay là nhà bếp), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh H chị L là thửa đất số 105, tờ bản đồ số 29 tại thôn 5, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An. Năm 2005,

ông Phạm Viết T (em trai bà N) cho bà N mượn 01 ha đất lâm nghiệp thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01 tại thôn 4, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An đến năm 2007, bà N cho vợ chồng anh H chị L mượn để trồng trồng chè. Ngoài ra, trong quá trình chung sống vợ chồng anh H chị L có vay của bà N tổng số tiền là 70.700.000 đồng (Bảy mươi triệu bảy trăm nghìn đồng). Nay vợ chồng anh H chị L ly hôn bà N không có ý kiến gì về thửa đất số 105 và ngôi nhà (nhà bếp) trên đất đã tặng cho vợ chồng anh H. Đối với 01 ha đất lâm nghiệp thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01 tại thôn 4, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An của ông Phạm Viết T cho bà N mượn thì bà N yêu cầu vợ chồng anh H trả lại để trả cho ông Phạm Viết T. Đối với số tiền vợ chồng anh H vay bà N thì bà N yêu cầu vợ chồng anh H có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền gốc là 70.700.000 đồng (Bảy mươi triệu bảy trăm nghìn đồng), không yêu cầu trả lãi suất.

- *Tại phiên toà chị Nguyễn Thị T vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị T đã khai:* Chị T là hàng xóm với anh Hoàng Khắc H và chị Hoàng Thị L. Năm 2018 chị T vay Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 50.000.000 đồng để về cho vợ chồng chị L anh H vay. Hai bên thoả thuận, hàng tháng vợ chồng chị L trả tiền lãi suất và đóng tiền tiết kiệm, đến hạn trả tiền gốc thì trả cho Ngân hàng. Đến nay vợ chồng chị L đã trả lãi suất đầy đủ và đã đóng tiền lãi suất được số tiền là 5.610.549 đồng (Năm triệu, sáu trăm mười nghìn, năm trăm bốn mươi chín đồng). Nay vợ chồng chị L anh H ly hôn thì chị T yêu cầu Tòa án buộc anh H chị L phải có trách nhiệm trả cho chị T số tiền nợ gốc còn lại là 44.389.451 đồng (Bốn mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi một đồng) và tiền lãi suất theo lãi suất Ngân hàng chính sách quy định đến khi trả hết nợ gốc.

- *Tại phiên toà ông Hoàng Khắc M vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông M đã khai:* Ông Hoàng Khắc M là chú ruột của anh Hoàng Khắc H. Ngày 12/10/2020 ông M có cho vợ chồng anh H chị L vay số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), lãi suất theo mức lãi suất ngân hàng, khi vay không làm giấy tờ gì cả. Kể từ khi vay cho đến nay vợ chồng anh H chị L chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho ông. Nay vợ chồng anh H chị H ly hôn, ông M yêu cầu Tòa án buộc anh H chị L có trách nhiệm trả cho ông M số tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi suất theo ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V kể từ ngày 12/10/2020 cho đến nay với mức lãi suất là 0,875%/ tháng.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị Cao Thị T đã khai:* Chị T có quan hệ con cô con cậu với anh H, ngày 25/3/2019 chị T có cho vợ chồng anh H chị L vay số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để làm nhà, khi vay không làm giấy tờ gì cả và có thỏa thuận trả lãi suất theo ngân hàng. Kể từ khi vay cho đến nay vợ chồng anh H chị L chưa trả tiền gốc và tiền lãi mới trả được 4 tháng đến 25/7/2019 cho chị T. Nay vợ chồng anh H chị L ly hôn thì chị T yêu cầu Tòa án buộc anh H chị L phải có trách nhiệm trả cho chị T số tiền

gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi suất kể từ ngày 25/08/2019 cho đến nay với mức lãi suất là 0,875%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh H vẫn không nhận nợ chung của vợ chồng thì đề nghị Tòa án xem xét, vì chị T có quan hệ anh em bên anh H nên khai đúng sự thật và khách quan. Chị T khẳng định việc chị T cho vợ chồng anh H chị L vay số tiền trên để làm nhà là đúng sự thật, do anh H hay chơi bời, cờ bạc nên nếu anh H đứng ra vay thì không ai cho vay cả, nên chị L đứng ra vay thì chị T mới cho vay để giúp chị L có tiền làm nhà. Nay đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh H chị L có trách nhiệm trả nợ cho chị T số tiền gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi suất kể từ ngày 25/08/2019 cho đến nay với mức lãi suất là 0,875%/tháng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Hoàng Thị T đã khai: Chị T là em gái của chị L, ngày 16/3/2018, chị T có cho vợ chồng anh H chị L vay số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để làm nhà, do có quan hệ là chị em gái với nhau nên không làm giấy tờ vay và có thỏa thuận trả lãi suất theo ngân hàng. Kể từ khi vay cho đến nay vợ chồng anh H chị L đã trả được 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi đã trả được đến tháng 12/2019. Nay vợ chồng anh H chị L ly hôn chị T yêu cầu Tòa án buộc anh H chị L phải có trách nhiệm trả cho chị L số tiền vay gốc còn lại là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi suất kể từ tháng 01/2020 cho đến nay theo mức lãi suất của Ngân hàng chính sách xã hội huyện V là 0.65%/tháng vì số tiền này chị T cũng đi vay Ngân hàng chính sách xã hội về để làm nhà nhưng sau đó không làm nên cho chị L vay. Nay anh H chối bỏ trách nhiệm trả nợ là không được vì anh H cũng biết vợ chồng đã vay số tiền này để làm nhà, nay anh H lợi dụng không có giấy vay để chối bỏ trách nhiệm trả nợ. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét để đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ.

- Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình điều tra, hòa giải và xét xử.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Về tình cảm: Cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Hoàng Khắc H;

Về nuôi con chung: Giao con Hoàng Thị Như Q, sinh ngày 26/9/2006 và Hoàng Trung K, sinh ngày 11/10/2016 cho anh Hoàng Khắc H trực tiếp nuôi

dưỡng; Giao con chung Hoàng Thị Thanh M, sinh ngày 25/3/2014 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ: Đề nghị Hội đồng xét xử chia tài sản chung và buộc trả nợ như sau: Giao cho anh Hoàng Khắc H thừa đất số 105 và các tài sản gắn liền trên thửa đất và các tài sản trong nhà có tổng trị giá là 583.249.897 đồng; Giao cho chị Hoàng Thị L số tiền do ông Phạm Viết T đang giữ và thu hoạch 3 ha tràm trên thửa đất số 08, nhận trị giá tràm và chè trên thửa đất số 08 có tổng trị giá là 141.000.000 đồng. Buộc anh Hoàng Khắc H trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V số tiền 100.000.000 đồng, Ngân hàng Chính sách xã hội V 75.000.000 đồng, bà Phạm Thị N 70.700.000 đồng, ông Hoàng Khắc M 20.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị T 50.000.000 đồng, tổng cộng số nợ anh H có nghĩa vụ trả là 315.700.000 đồng; Giao cho chị Hoàng Thị L trả cho chị Hoàng Thị T số tiền 30.000.000 đồng, trả cho chị Cao Thị T số tiền 30.000.000 đồng, tổng số nợ chị L có nghĩa vụ trả là 60.000.000 đồng; Buộc anh Hoàng Khắc H giao cho chị Hoàng Thị L số tiền chênh lệch về tài sản là: 93.274.000 đồng; Buộc ông Phạm Viết T có nghĩa vụ giao cho chị Hoàng Thị L tổng số tiền là 66.000.000 đồng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn, án phí chia tài sản và án phí nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”, bị đơn cư trú tại thôn 5, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Tòa án nhân dân huyện A đưa vụ án ra xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do anh Hoàng Khắc H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên chị Hoàng Thị L có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nên vụ án không tiến hành hoà giải được.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Khắc H kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện

A, tỉnh Nghệ An trên tinh thần tự nguyện. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 3 con, đến khoảng tháng 4/2021 thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2021 đến nay, hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị L làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững trên cơ sở cùng nhau chăm lo cuộc sống, thương yêu, tôn trọng, giúp đỡ nhau, cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Nhưng giữa chị L và anh H không tin tưởng nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm và không còn yêu thương nhau. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2021 đến nay. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của anh H cũng đồng ý ly hôn chị L.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Khắc H có 3 con chung là: Hoàng Thị Như Q, sinh ngày 26/9/2006, Hoàng Thị Thanh M, sinh ngày 25/3/2014 và Hoàng Trung K, sinh ngày 11/10/2016. Nay ly hôn, chị L và anh H thống nhất: Giao 02 con chung là Hoàng Thị Như Q và Hoàng Trung K cho anh Hoàng Khắc H trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là Hoàng Thị Thanh M cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ theo quy định tại khoản 1 khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các con và các đương sự nên cần chấp nhận là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, anh H và chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H và chị L.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, vợ chồng chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Khắc H thống nhất kê khai các tài sản chung đã được Hội đồng định giá có giá trị như sau:

- Thửa đất số 105, tờ bản đồ số 29 trị giá:	287.331.000 đồng
- 01 ngôi nhà cấp 4 trị giá:	195.706.000 đồng
- 01 nhà bếp trị giá:	7.000.000 đồng
- 01 chõng trâu trị giá:	5.000.000 đồng
- 01 chuồng lợn + chuồng gà trị giá:	1.000.000 đồng
- Mái tôn trước nhà chính + xái trị giá:	19.694.000 đồng.
- Sân lát xi măng trước nhà chính trị giá:	6.603.199 đồng.

- Lan can nhà chính trị giá: 1.843.044 đồng
- Mái tôn trên giếng trị giá: 4.785.000 đồng.
- Nền giếng trị giá: 1.000.000 đồng.
- Lan can giếng trị giá: 559.015 đồng.
- Nhà tắm trị giá: 8.860.000 đồng.
- Xái bếp trị giá: 12.353.657 đồng.
- 01 bộ bàn ghế gỗ tràm trị giá: 10.500.000 đồng.
- 01 tủ lạnh hiệu Sam Sung trị giá: 1.000.000 đồng.
- 01 ti vi TLC trị giá: 500.000 đồng.
- 01 máy giặt Aqua trị giá: 1.000.000 đồng.
- 01 tủ nhôm kính trị giá: 1.500.000 đồng.
- 01 bếp ga và bình ga trị giá: 200.000 đồng.
- 01 bình đựng nước trị giá: 1.000.000 đồng.
- 1000 m2 chè trồng trên đất thừa đất 105 trị giá: 4.000.000 đồng.
- Cây gỗ trai trồng trên thừa số 105 trị giá: 3.420.000 đồng.
- 3,0 ha tràm trồng năm 2018 trên thừa đất số 08 trị giá: 75.000.000 đồng.
- 0,8 ha tràm trồng năm 2021 trên thừa đất số 08 trị giá: 10.000.000 đồng.
- 2000 m2 chè trồng năm 2007 trên thừa đất số 08 trị giá: 6.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị Lượng đã đóng được số tiền tiết kiệm đối với khoản vay Ngân hàng Chính sách xã hội V là: 8.394.982 đồng (Tám triệu, ba trăm, chín mươi tư nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng).

Đối với thừa đất số 08 tờ bản đồ số 01 trị giá: 280.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, các đương sự thống nhất: Vợ chồng chị L anh H trả lại thừa đất số 08 cho ông T và ông T trả lại số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho vợ chồng chị L và anh H.

Như vậy, tổng trị giá khối tài sản chung của vợ chồng chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Khắc H là: 724.249.897 (Bảy trăm, hai mươi tư triệu, hai trăm, bốn mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng), trong đó có số tiền: 8.394.982 đồng (Tám triệu, ba trăm, chín mươi tư nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng) tiền tiết kiệm trong khế vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội V và số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) do ông T đang quản lý.

[2.4] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, vợ chồng chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Khắc H thống nhất các khoản nợ gốc gồm:

- Nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V Chi nhánh huyện A Tây Nghệ An số tiền: 100.000.000 đồng.
- Nợ ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện A số tiền: 75.000.000 đồng.
- Nợ bà Phạm Thị N số tiền: 70.700.000 đồng.
- Nợ bà Nguyễn Thị T số tiền: 50.000.000 đồng.
- Nợ ông Hoàng Khắc M số tiền: 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị L còn khai: Vợ chồng còn nợ các khoản nợ sau nhưng anh H không thống nhất là nợ chung của vợ chồng gồm: Nợ Tổ chức tài chính vi mô TNHH - MTV T chi nhánh Đ số tiền: 30.000.000 đồng, chị L đã trả hết trong thời gian vợ chồng sống ly thân nay yêu cầu anh H phải hoàn trả cho chị L 1/2 tương đương với số tiền là 15.000.000 đồng; Nợ chị Cao Thị T số tiền: 30.000.000 đồng và chị Hoàng Thị T số tiền: 30.000.000 đồng, nay đề nghị Toà án xem xét buộc anh H cùng có nghĩa vụ trả nợ với chị L.

Đối với khoản nợ của chị Nguyễn Thị T, chị L đã đóng được 5.610.549 đồng (Năm triệu, sáu trăm mười nghìn, năm trăm bốn mươi chín đồng) tiền tiết kiệm nên cần giao cho chị Nguyễn Thị T số tiền tiết kiệm này để khi đến hạn trả nợ gốc để trừ tiền nợ gốc. Vì vậy, số tiền gốc vợ chồng anh H chị L còn nợ chị T còn lại là: 44.389.451 đồng (Bốn mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi một đồng).

Đối với khoản nợ của Ngân hàng chính sách xã hội V, chị L đã đóng được số tiền tiết kiệm là: 8.394.982 đồng (Tám triệu, ba trăm, chín mươi tư nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng). Nên cần giao cho anh H sở hữu đến khi đến hạn trả nợ gốc thì trừ nghĩa vụ số tiền nợ gốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không thống nhất các khoản nợ của Tổ chức tài chính vi mô TNHH - MTV T, của chị Hoàng Thị T và chị Cao Thị T là nợ chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với khoản nợ của Tổ chức tài chính vi mô TNHH - MTV T chi nhánh Đ số tiền: 30.000.000 đồng, chị L đã trả hết trong thời gian sống ly thân với anh H. Xét thấy, khoản nợ này vay trong thời gian anh H đi làm ăn miền nam, bà Phạm Thị N là mẹ đẻ anh H ở nhà cùng ký bảo lãnh cho chị L vay và bà N có báo cho anh H biết, vay để mua giống, phân để trồng trà và chè đã được bà Phạm Thị N thừa nhận tại phiên toà. Hiện nay trà và chè đã được định giá để đưa vào khối tài sản chung chia cho vợ chồng. Vì vậy, cần xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng, vay với mục đích là để mua giống và phân bón trồng trà và chè. Tuy nhiên, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, kinh tế vợ chồng không chung nhau, chị L đi làm kiếm tiền và đã trả hết khoản nợ này. Vì vậy, cần buộc anh H phải thanh toán lại cho chị L 1/2 khoản nợ này, tương đương với số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) là phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ. Còn các khoản nợ của chị Hoàng Thị T và chị Cao Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên toà chị T và chị T khai rất khách quan, chị T có quan hệ anh em với anh H, giữa chị T và anh H không có mâu thuẫn gì, nhưng chị T vẫn khẳng định rằng đã cho chị L vay số tiền đó để làm nhà và anh H cũng biết. Bên cạnh đó, tại phiên toà anh H cũng thừa nhận trong thời gian vợ chồng chung sống có đánh bạc, có cầm cố xe máy và trâu để đánh bạc, sau đó chị L phải đi vay tiền chuộc tài sản về và trong quá trình làm nhà có vay tiền ngân hàng và các cá nhân để làm nhà nhưng số tiền vay của chị T và chị T thì chị T đã trả. Ngoài ra, tại phiên toà, bà Phạm Thị N khai: Vợ chồng vay nợ để làm là có, nên giờ vợ chồng phải chịu. Như vậy, tại phiên

tòa, anh Hoàng Khắc H đã thừa nhận có vay nợ của chị T và chị T nhưng anh H cho rằng chị L đã trả, tuy nhiên chị L, chị T và chị T khai vẫn đang còn nợ. Vì vậy, cần xác định số nợ của chị T và chị T là nợ chung của vợ chồng, chưa trả. Nên cần buộc vợ chồng anh H chị L có trách nhiệm chung đối với khoản nợ của chị T và chị T.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc chung của vợ chồng anh Hoàng Khắc H và chị Hoàng Thị L hiện nay còn nợ là: 370.089.451 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu, không trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

* Về tiền lãi suất: Đối với khoản nợ của Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn V và Ngân hàng Chính sách xã hội V thực hiện theo Hợp đồng. Đối với khoản vay của bà Phạm Thị N, do bà N không yêu cầu lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét. Đối với khoản vay của chị Nguyễn Thị T, chị T yêu cầu trả lãi suất theo lãi suất Ngân hàng Chính sách xã hội V đến khi trả hết nợ gốc cho chị T là có căn cứ nên cần buộc vợ chồng có nghĩa vụ phải thực hiện là có căn cứ. Đối với khoản vay của ông Hoàng Khắc M, ông M yêu cầu trả lãi suất theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước với mức lãi suất 0,875%/tháng, từ tháng 01/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/4/2022 là 15 tháng, tương đương với số tiền là: 2.625.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là phù hợp; Đối với khoản vay của chị Cao Thị T, chị T yêu cầu trả lãi suất theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước với mức lãi suất 0,875%/tháng, từ ngày 25/08/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là: 20 tháng 02 ngày, tương đương với số tiền là: 5.258.750 đồng (Năm triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) là phù hợp; Đối với khoản vay của chị Hoàng Thị T, chị T yêu cầu trả lãi suất theo lãi suất Ngân hàng Chính sách xã hội với mức lãi suất 0,65%/tháng, từ tháng 01/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là: 15 tháng 26 ngày, tương đương với số tiền là: 3.094.000 đồng, (Ba triệu, không trăm chín mươi tư nghìn đồng) là phù hợp. Nên cần buộc vợ chồng chị L và anh H có nghĩa vụ thực hiện.

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi suất vợ chồng anh Hoàng Khắc H và chị Hoàng Thị L còn nợ các tổ chức tín dụng và các cá nhân là: 381.067.201 (Ba trăm tám mươi một nghìn, không trăm sáu mươi bảy nghìn, hai trăm linh một đồng)

[2.5] Nay ly hôn, anh H có nguyện vọng lấy thừa đất 105 và các công trình trên đất nên chị L cũng đồng ý để anh H lấy đất và nhà và các tài sản trong nhà, còn trị giá trầm và chèo trên thừa đất số 08 và số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) do ông Phạm Viết T đang giữ thì chị L có nguyện vọng được sở hữu. Đối với các khoản nợ thì đề nghị Tòa án xem xét giao cho anh H trả nợ vì anh H lấy đất và nhà. Sau khi trừ nợ, còn lại bao nhiêu tiền thì anh H giao lại tiền chênh lệch về tài sản cho chị L.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Hoàng Khắc H cũng có nguyện vọng lấy nhà và đất, còn các tài sản khác và các khoản nợ đề nghị Tòa án chia cho vợ chồng.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, các đương sự đã thống nhất khối tài sản chung đã được Hội đồng định giá. Đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01 tại thôn 4, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An các đương sự thống nhất trả lại cho ông Phạm Viết T và ông T có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, trên thửa đất số 08 hiện nay vợ chồng chị L anh H đã trồng 3 ha tràm trồng năm 2018 đã đến kỳ thu hoạch, còn 0,8 ha tràm trồng năm 2021 chưa đến kỳ thu hoạch và 2000 m² chè trồng năm 2007 không thể di dời. Xét ý kiến của anh H chị L là trả lại đất, trả lại tiền nên cần chấp nhận. Riêng ý kiến của ông Phạm Viết T là để cho vợ chồng anh H và chị L sử dụng canh tác thửa đất, khi nào thu hoạch không sử dụng nữa thì trả lại đất cho ông T và ông T sẽ trả lại tiền.

Hội đồng xét xử nhận định, nay vợ chồng anh H chị L ly hôn, nên không thể tiếp tục giao cho anh H chị L tiếp tục sử dụng chung. Nếu giao cho anh H hoặc chị L tiếp tục sử dụng, thì đến năm 2025 mới thu hoạch được 0,8 ha tràm trồng năm 2018 thì mới trả đất được cho ông T, còn 2000 m² chè trồng năm 2007 không thể di chuyển, nếu di chuyển sẽ mất giá trị sử dụng. Để giải quyết dứt điểm vụ án nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự và dễ dàng trong việc thi hành án. Nên cần giao cho chị L thu hoạch 3 ha tràm trồng năm 2018. Riêng 0,8 ha tràm trồng năm 2021 chưa đến kỳ thu hoạch, dự kiến đến khoảng năm 2025 mới thu hoạch được và 2000 m² chè trồng năm 2007 là không thể di dời, nếu di dời 0,8 ha tràm trồng năm 2021 và 2000 m² chè trồng năm 2007 thì ảnh hưởng đến giá trị, có thể mất giá trị. Vì vậy, cần giao 0,8 ha tràm và 2000 m² chè này cho ông Phạm Viết T sở hữu, ông Phạm Viết T có nghĩa vụ giao lại trị giá tràm và chè cho chị L, để buộc vợ chồng anh H và chị L trả lại thửa đất số 08 cho ông T là phù hợp, kịp thời trong việc thi hành án và vụ án được giải quyết triệt để, dứt điểm sau khi vợ chồng anh H chị L được Toà án giải quyết cho ly hôn.

Đối với diện tích đất lâm nghiệp nằm trong thửa đất số 08, tờ bản đồ số 1 tại thôn 4, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An, ông Phạm Viết T cho bà Phạm Thị N mượn, sau đó bà N cho vợ chồng anh H chị L mượn trồng chè năm 2007, các bên đều thống nhất trả lại cho ông T là phù hợp nên cần chấp nhận.

[2.6] Từ những nhận định trên, cần chia đôi khối tài sản chung của vợ chồng chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Khắc H và buộc các đương sự thực hiện nghĩa vụ cụ thể như sau:

** Chia cho anh Hoàng Khắc H được sở hữu các tài sản sau:*

- Quyền sử dụng thửa đất số 105, tờ bản đồ số 29, tại thôn 5, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An theo giấy CNQSDĐ số CU 834997 trị giá:

287.331.000 đồng.

- 01 ngôi nhà cấp 4 trị giá:

195.706.000 đồng.

- 01 nhà bếp trị giá:

7.000.000 đồng.

- 01 chông trâu trị giá:

5.000.000 đồng.

- 01 chuồng lợn + chuồng gà trị giá:	1.000.000 đồng.
- Mái tôn trước nhà chính + xái trị giá:	19.694.000 đồng.
- Sân lát xi măng trước nhà chính trị giá:	6.603.199 đồng.
- Lan can nhà chính trị giá:	1.843.044 đồng.
- Mái tôn trên giếng trị giá:	4.785.000 đồng.
- Nền giếng trị giá:	1.000.000 đồng.
- Lan can giếng trị giá:	559.015 đồng.
- Nhà tắm trị giá:	8.860.000 đồng.
- Xái bếp trị giá:	12.353.657 đồng.
- 01 bộ bàn ghế gỗ trà tràm trị giá:	10.500.000 đồng.
- 01 tủ lạnh hiệu Sam Sung trị giá:	1.000.000 đồng.
- 01 ti vi TLC trị giá:	500.000 đồng.
- 01 máy giặt Aqua trị giá:	1.000.000 đồng.
- 01 tủ nhôm kính trị giá:	1.500.000 đồng.
- 01 bếp ga và bình ga trị giá:	200.000 đồng.
- 01 bình đựng nước trị giá :	1.000.000 đồng.
- 1000 m2 chè trồng trên đất thừa đất 105 trị giá:	4.000.000 đồng.
- Cây gỗ trai trồng trên thửa số 105 trị giá:	3.420.000 đồng.
- Số tiền tiết kiệm tại Ngân hàng chính sách xã hội:	8.394.982 đồng.

Tổng trị giá tài sản anh Hoàng Khắc H được giao sở hữu là: 583.249.897 đồng (Năm trăm tám mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng).

Nhưng anh Hoàng Khắc H có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho các tổ chức tín dụng và các cá nhân sau:

- Trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V Chi nhánh huyện A Tây Nghệ An số tiền gốc: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi suất đến khi trả hết nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số số 3619 –LAV - 201801700 ngày 07/5/2018 và phụ lục hợp đồng số 3619LDS202102572.

- Trả cho Ngân hàng chính sách xã hội V số tiền nợ gốc là: 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi suất theo sổ vay vốn và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ (Mã món vay: 6600000712610619 và mã món vay số 6600000710691745).

- Trả cho bà Phạm Thị N số tiền gốc là: 70.700.000 đồng (Bảy mươi triệu, bảy trăm nghìn đồng).

- Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là: 44.389.451 đồng (Bốn mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi một đồng) và tiền lãi suất theo mức lãi suất của Ngân hàng chính sách xã hội V từ ngày 17/4/2022 (Vì hàng tháng chị Lượng đã trả lãi suất cho chị T đến ngày 16/4/2022, tháng tiếp theo để tính lãi suất là từ ngày 17/4/2022) đến khi trả hết nợ gốc.

- Trả cho ông Hoàng Khắc M số tiền gốc là: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi suất là: 2.625.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm hai mươi lăm

ngàn đồng), tổng cộng cả gốc và lãi suất là: 22.625.000 đồng (Hai mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Tổng cộng, các khoản nợ gốc và lãi suất anh Hoàng Khắc H có nghĩa vụ trả là: 312.714.451 đồng (Ba trăm mười hai triệu, bảy trăm mười bốn ngàn, bốn trăm năm mươi một đồng).

Sau khi trừ nghĩa vụ trả nợ, trị giá tài sản chung của anh Hoàng Khắc H được chia sở hữu còn lại là: 270.535.446 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu, năm trăm ba mươi lăm ngàn, bốn trăm bốn mươi sáu đồng).

** Chia cho chị Hoàng Thị L được sở hữu các tài sản sau:*

- Thu hoạch 3,0 ha tràm trồng năm 2018 trên thửa đất số 08, tờ bản đồ số 1 tại thôn 4, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An trị giá: 75.000.000 đồng.
- Số tiền 10.000.000 đồng (Trị giá 0,8 ha tràm trồng năm 2021 trên thửa đất số 08) do ông Phạm Viết T có nghĩa vụ giao lại.
- Số tiền 6.000.000 đồng (Trị giá 2000 m² chè trồng năm 2007 trên thửa đất số 08) do ông Phạm Viết T có nghĩa vụ giao lại.
- Số tiền 50.000.000 đồng (Tiền thỏa thuận mượn thửa đất số 08) do ông Phạm Viết T có nghĩa vụ giao lại.

Tổng trị giá tài sản chị Hoàng Thị L được giao sở hữu là: 141.000.000 đồng (Một trăm, bốn mươi một triệu đồng).

Nhưng chị Hoàng Thị L có nghĩa vụ trả nợ cho chị Cao Thị T số tiền gốc và lãi suất là: 35.258.750 đồng (Ba mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi tám ngàn, bảy trăm năm mươi đồng); Trả nợ cho chị Hoàng Thị T số tiền gốc và lãi suất là: 33.094.000 đồng (Ba mươi ba triệu, không trăm chín mươi tư ngàn đồng).

Sau khi trừ nghĩa vụ trả nợ, trị giá tài sản chung của chị Hoàng Thị L được chia sở hữu còn lại là: 72.647.250 đồng (Bảy mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi bảy ngàn, hai trăm năm mươi đồng).

Do tổng trị giá tài sản của anh Hoàng Khắc H được chia lớn hơn tổng trị giá tài sản của chị Hoàng Thị L được chia là 197.888.196 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi tám ngàn, một trăm chín mươi sáu đồng). Vì vậy, cần buộc anh Hoàng Khắc H có nghĩa vụ giao cho chị Hoàng Thị L số tiền chênh lệch về tài sản với số tiền là: 98.944.098 đồng (Chín mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi bốn ngàn, không trăm chín mươi tám đồng).

Sau khi anh H và chị L giao nhận trị giá tài sản chênh lệch cho nhau, tổng trị giá tài sản của anh Hoàng Khắc H được sở hữu là: 171.591.348 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu, năm trăm chín mươi một ngàn, ba trăm bốn mươi tám đồng); Tổng trị giá tài sản của chị Hoàng Thị L được sở hữu là: 171.591.348 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu, năm trăm chín mươi một ngàn, ba trăm bốn mươi tám đồng).

** Buộc anh Hoàng Khắc H có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Hoàng Thị L: Số tiền 15.000.000 đồng (Tiền nợ chung của vợ chồng vay Tổ chức tài chính vi mô TNHH - MTV T chị L đã trả trong thời gian vợ chồng sống ly thân).*

Tổng số tiền chênh lệch về tài sản và tiền nợ chung vay của Tổ chức tài chính vi mô TNHH - MTV T chị L đã trả, anh Hoàng Khắc H có nghĩa vụ giao cho chị Hoàng Thị L là: 113.944.098 đồng (Một trăm mười ba triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, không trăm chín mươi tám đồng).

** Buộc anh Hoàng Khắc H và chị Hoàng Thị L có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Khắc T: Thửa đất lâm nghiệp số 08, tờ bản đồ số 1, tại thôn 4, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An.*

** Giao cho ông Phạm Viết T được sở hữu: 0,8 ha tràm trồng năm 2021 và 2000 m² chè trồng năm 2007 trồng trên thửa đất số 08, tờ bản đồ số 1, tại thôn 4, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An.*

** Buộc ông Phạm Viết T có nghĩa vụ giao cho chị Hoàng Thị L các khoản tiền gồm: Số tiền 50.000.000 đồng (Tiền anh H chị L giao cho ông T để mượn thửa đất số 08, nay anh H chị L trả lại thửa đất số 08 và ông T giao lại tiền); Số tiền 10.000.000 đồng (Trị giá 0,8 ha tràm trồng năm 2021 trên thửa đất số 08); Số tiền 6.000.000 đồng (Trị giá 2000 m² chè trồng năm 2007 trên thửa đất số 08). Tổng cộng số tiền ông Phạm Viết T có nghĩa vụ giao cho chị Hoàng Thị L là: 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng).*

[3] Về án phí và lệ phí:

- Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí ly hôn, các đương sự phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia và án phí việc thực hiện nghĩa vụ đối với người thứ ba theo quy định của pháp luật. Riêng chị Hoàng Thị L có đơn xin miễn án phí được UBND xã C xác nhận có hoàn cảnh khó khăn nên cần xem xét giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm cho chị Hoàng Thị L.

- Về chi phí tố tụng khác: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị L đã nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Nay chị L yêu cầu anh H phải chịu 1/2 chi phí là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nên cần buộc anh Hoàng Khắc H phải hoàn trả cho chị Hoàng Thị L 1/2 số tiền đã chi phí tương ứng với số tiền là: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) là đúng quy định, đảm bảo quyền và nghĩa vụ ngang nhau khi tham gia tố tụng của các đương sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 2, 3 và 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2/ Tuyên xử:

2.2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Hoàng Khắc H.

2.3. Về nuôi con chung: Giao con chung Hoàng Thị Như Q, sinh ngày 26/9/2006 và Hoàng Trung K, sinh ngày 11/10/2016 cho anh Hoàng Khắc H trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung Hoàng Thị Thanh M, sinh ngày 25/3/2014 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Hoàng Khắc H và chị Hoàng Thị L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.4. Về chia tài sản chung và nghĩa vụ phải thực hiện:

2.4.1. Chia cho anh Hoàng Khắc H được sở hữu các tài sản sau:

- Quyền sử dụng thửa đất số 105, tờ bản đồ số 29, tại thôn 5, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An theo giấy CNQSDĐ số CU 834997 mang tên Hoàng Khắc H và Hoàng Thị L trị giá: 287.331.000 đồng.

- | | |
|--|------------------|
| - 01 ngôi nhà cấp 4 trị giá: | 195.706.000 đồng |
| - 01 nhà bếp trị giá: | 7.000.000 đồng |
| - 01 chõng trâu trị giá: | 5.000.000 đồng |
| - 01 chuồng lợn + chuồng gà trị giá: | 1.000.000 đồng |
| - Mái tôn trước nhà chính + xái trị giá: | 19.694.000 đồng. |
| - Sân lát xi măng trước nhà chính trị giá: | 6.603.199 đồng. |
| - Lan can nhà chính trị giá: | 1.843.044 đồng |
| - Mái tôn trên giếng trị giá: | 4.785.000 đồng. |
| - Nền giếng trị giá: | 1.000.000 đồng. |
| - Lan can giếng trị giá: | 559.015 đồng. |
| - Nhà tắm trị giá: | 8.860.000 đồng. |
| - Xái bếp trị giá: | 12.353.657 đồng. |
| - 01 bộ bàn ghế gỗ tràm trị giá: | 10.500.000 đồng. |
| - 01 tủ lạnh hiệu Sam Sung trị giá: | 1.000.000 đồng. |
| - 01 ti vi TLC trị giá: | 500.000 đồng. |
| - 01 máy giặt Aqua trị giá: | 1.000.000 đồng. |
| - 01 tủ nhôm kính trị giá: | 1.500.000 đồng. |
| - 01 bếp ga và bình ga trị giá: | 200.000 đồng. |
| - 01 bình đựng nước trị giá : | 1.000.000 đồng. |
| - 1000m2 chè trồng trên đất thửa đất 105 trị giá: | 4.000.000 đồng. |
| - Cây gỗ trai trồng trên thửa số 105 trị giá: | 3.420.000 đồng. |
| - Số tiền tiết kiệm tại Ngân hàng chính sách xã hội: | 8.394.982 đồng. |

Tổng trị giá tài sản anh Hoàng Khắc H được giao sở hữu là: 583.249.897 đồng (Năm trăm tám mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng).

2.4.2. Buộc anh Hoàng Khắc H có nghĩa vụ trả nợ cho các tổ chức tín dụng và các cá nhân sau:

- Trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện A Tây Nghệ An số tiền gốc: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi suất đến khi trả hết nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 3619 – LAV -201801700 ngày 07/5/2018 và phụ lục hợp đồng số 3619LDS202102572.

- Trả cho Ngân hàng chính sách xã hội V số tiền nợ gốc là: 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi suất theo sổ vay vốn và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ (Mã món vay: 6600000712610619 và mã món vay số 6600000710691745).

- Trả cho bà Phạm Thị N số tiền gốc là: 70.700.000 đồng (Bảy mươi triệu, bảy trăm nghìn đồng).

- Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là: 44.389.451 đồng (Bốn mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi một đồng) và tiền lãi suất theo mức lãi suất của Ngân hàng chính sách xã hội V kể từ ngày 17/4/2022 đến khi trả hết nợ gốc.

- Trả cho ông Hoàng Khắc M tổng số tiền gốc và lãi suất là: 22.625.000 đồng (Hai mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Tổng cộng, các khoản nợ gốc và lãi suất anh Hoàng Khắc H có nghĩa vụ trả là: 312.714.451 đồng (Ba trăm mười hai triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, bốn trăm năm mươi một đồng).

2.4.3. Buộc anh Hoàng Khắc H có nghĩa vụ giao lại cho chị Hoàng Thị L các khoản tiền sau:

- Số tiền chênh lệch về tài sản là: 98.944.098 đồng (Chín mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, không trăm chín mươi tám đồng).

- Số tiền nợ chung vay của Tổ chức tài chính vi mô TNHH - MTV T chị L đã trả trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh Hoàng Khắc H có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Hoàng Thị L là: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

- Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Tổng số tiền anh Hoàng Khắc H có nghĩa vụ giao lại cho chị Hoàng Thị L là: 114.944.098 đồng (Một trăm mười bốn triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, không trăm chín mươi tám đồng).

Tổng trị giá tài sản anh Hoàng Khắc H được giao sở hữu sau khi trừ nghĩa vụ trả nợ và giao lại tiền chênh lệch về tài sản cho chị Hoàng Thị L còn lại là: 171.591.348 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu, năm trăm chín mươi một nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng).

2.4.4. Chia cho chị Hoàng Thị L được sở hữu các tài sản sau:

- Thu hoạch 3,0 ha tràm trồng năm 2018 trên thửa đất số 08, tờ bản đồ số 1, tại thôn 4, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An trị giá: 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

- Số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) (Trị giá 0,8 ha tràm trồng năm 2021 trên thửa đất số 08) do ông Phạm Viết T có nghĩa vụ giao lại.

- Số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) (Trị giá 2000 m² chè trồng năm 2007 trên thửa đất số 08) do ông Phạm Viết T có nghĩa vụ giao lại.

- Số tiền 50.000.000 đồng (Tiền anh H chị L giao cho ông T để mượn thửa đất số 08, nay anh H chị L trả lại thửa đất số 08 cho ông T và ông T có nghĩa vụ giao lại số tiền này).

- Số tiền chênh lệch về tài sản do anh Hoàng Khắc H có nghĩa vụ giao lại là: 98.944.098 đồng (Chín mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, không trăm chín mươi tám đồng).

Tổng trị giá tài sản chị Hoàng Thị L được chia sở hữu và nhận chênh lệch do anh Hoàng Khắc H giao lại là: 239.944.098 (Hai trăm ba mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, không trăm chín mươi tám đồng).

2.4.5. Buộc chị Hoàng Thị L có nghĩa vụ:

- Trả nợ cho chị Cao Thị T số tiền gốc và lãi suất là: 35.258.750 đồng (Ba mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng);

- Trả nợ cho chị Hoàng Thị T số tiền gốc và lãi suất là: 33.094.000 đồng (Ba mươi ba triệu, không trăm chín mươi tư nghìn đồng).

Tổng trị giá tài sản chị Hoàng Thị L được giao sở hữu sau khi trừ nghĩa vụ trả nợ và nhận tiền chênh lệch về tài sản do anh Hoàng Khắc H giao lại là: 171.591.348 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu, năm trăm chín mươi một nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng).

Ngoài ra, chị Hoàng Thị L còn được nhận lại số tiền chị L đã trả cho Tổ chức tài chính vi mô TNHH - MTV T nay anh Hoàng Khắc H có nghĩa vụ hoàn lại là: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Tổng cộng là: 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

2.4.6. Buộc anh Hoàng Khắc H và chị Hoàng Thị L có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Viết T: Thửa đất lâm nghiệp số 08, tờ bản đồ số 1, tại thôn 4, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An.

2.4.7. Giao cho ông Phạm Viết T được sở hữu: 0,8 ha tràm trồng năm 2021 trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và 2000 m² chè trồng năm 2007 trị giá 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) (Tràm và chè trồng trên thửa đất số 08, tờ bản đồ số 1, tại thôn 4, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An).

2.4.8. Buộc ông Phạm Viết T có nghĩa vụ giao cho chị Hoàng Thị L các khoản tiền gồm: Số tiền 50.000.000 đồng (Tiền anh H chị L giao cho ông T để mượn thửa đất số 08, nay anh H chị L trả lại thửa đất số 08 cho ông T và ông T giao lại số tiền này); Số tiền 10.000.000 đồng (Trị giá 0,8 ha tràm trồng năm 2021 trên thửa đất số 08); Số tiền 6.000.000 đồng (Trị giá 2000 m² chè trồng năm 2007 trên thửa đất số 08). Tổng cộng số tiền ông Phạm Viết T có nghĩa vụ giao cho chị Hoàng Thị L là: 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ phải thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

3. Về án phí:

- Chị Hoàng Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí lý hôn; 4.289.000 đồng (Bốn triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn đồng) án phí phần giá trị tài sản được chia và 1.708.000 đồng (Một triệu, bảy trăm linh tám nghìn đồng) án phí thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với người thứ ba (Đã nộp 300.000 đồng ngày 05/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

- Anh Hoàng Khắc H phải nộp 8.579.000 đồng (Tám triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng) án phí phần giá trị tài sản được chia và 15.635.000 đồng (Mười lăm triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với người thứ ba.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã C, H. A;
- Lưu HS;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Lệ Hằng

